

Số: 2898/QĐ-CTHN-TTKT2-XPVPHC

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Xử phạt vi phạm hành chính về thuế**

**CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Điều 57, Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính;  
Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/06/2019;  
Căn cứ Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về thuế;

Căn cứ Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 05/12/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn;

Căn cứ Quyết định số 1836/QĐ-BTC ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục thuế trực thuộc Tổng cục Thuế;

Căn cứ Quyết định số 7998/QĐ-CTHN ngày 07/02/2024 của Cục trưởng Cục Thuế TP Hà Nội về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Biên bản kiểm tra thuế ký ngày 17/5/2024 của Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 88912/QĐ-CT-TKT2 ngày 20/12/2023 của Cục trưởng Cục thuế TP Hà Nội về việc kiểm tra tại Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra kiểm tra số 2 - Cục Thuế TP Hà Nội,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest;

Mã số thuế: 0102111132;

Địa chỉ: Số 220+222+224 phố Nguyễn Lương Bằng, phường Quang Trung, quận Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest được cấp giấy phép hoạt động kinh doanh số 38/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/12/2006, Giấy phép điều chỉnh lần 3 số 07/GPĐC-UBCK cấp ngày 27/02/2017 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp.

Người đại diện theo pháp luật: Lê Mạnh Cường Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng Giám đốc

2. Đã thực hiện các hành vi vi phạm hành chính:

- Về Thuế GTGT:

+ Hành vi khai sai doanh thu không chịu thuế GTGT do đơn vị đang xác định doanh thu hàng hóa bán ra không tính thuế các tháng 03,5,6,7,8,9,10,11/2022. Công ty vi phạm về xác định doanh thu tính thuế GTGT theo quy định tại Điểm c, khoản 8, Điều 4, Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013.

+ Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest không phân bổ thuế GTGT đầu vào cho doanh thu không chịu thuế, kê khai khấu trừ hóa đơn của doanh nghiệp bỏ



địa chỉ kinh doanh phát sinh trước ngày thông báo của cơ quan thuế vi phạm quy định tại Điều 14, Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 dẫn đến tăng số thuế GTGT phải nộp trong năm 2021 và năm 2022.

- Về Thuế TNDN: Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest còn hạch toán chi phí không đúng quy định tại Điều 4, Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính.

3. Các tình tiết tăng nặng: Không.

4. Các tình tiết giảm nhẹ: Không.

5. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Không.

b) Hình thức xử phạt bổ sung: Không có.

c) Các biện pháp khắc phục hậu quả:

\* Chi tiết các biện pháp:

- Tổng tiền thuế truy thu qua kiểm tra, số tiền: 308.747.364 đồng. Trong đó:

+ Thuế GTGT số tiền 297.034.205 đồng (Năm 2021: 86.582.916 đồng. Năm 2022: 210.451.289 đồng).

+ Thuế TNDN số tiền 11.713.159 đồng (Năm 2021: giảm 56.433.069 đồng. Năm 2022: 68.146.228 đồng).

- Tiền phạt khai sai mức 20% trên số thuế tăng thêm qua kiểm tra theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 138 Luật Quản lý Thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 và Khoản 1, Khoản 2, Điều 10 Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ; Khoản 1, Điều 16, Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ do có hành vi kê khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp, số tiền: 61.749.473 đồng (Tiểu mục 4254).

- Xử phạt đối với hành vi khai sai chỉ tiêu tại tờ khai thuế GTGT nhưng không dẫn đến thiếu số thuế phải nộp theo quy định tại Khoản 3, Điều 12 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, mức phạt tiền: 6.500.000 đồng (Tiểu mục 4254).

- Tiền chậm nộp (tiểu mục 4931), số tiền: 59.629.832 đồng theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 59, Luật số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Luật Quản lý thuế và Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ do có hành vi chậm nộp tiền thuế.

- Tiền chậm nộp (tiểu mục 4918), số tiền: 1.451.260 đồng theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 59, Luật số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Luật Quản lý thuế và Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ do có hành vi chậm nộp tiền thuế.

Số tiền chậm nộp tiền thuế nêu trên được tính đến hết ngày 17/5/2024. Yêu cầu Công ty tự tính và nộp số tiền chậm nộp tiền thuế kể từ ngày 18/5/2024 đến ngày nộp đủ số tiền thuế thuế, tiền chậm nộp vào ngân sách Nhà Nước do có hành vi chậm nộp tiền thuế.

Tổng số tiền thuế truy thu, tiền phạt và tiền chậm nộp là: 438.077.929 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi tám triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn, chín trăm hai mươi chín đồng).

\* Thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả: 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

\* Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do tổ chức vi phạm có tên tại Điều này chi trả.

6. Một số nội dung khác:

Công ty phải thực hiện việc điều chỉnh hồ sơ khai thuế, sổ sách kế toán theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 5 năm 2024.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông: Lê Mạnh Cường là đại diện cho tổ chức vi phạm có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Tổ chức và cá nhân có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest, không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest nộp lại số tiền thuế thiếu, tiền phạt, tiền khắc phục hậu quả khác vào NSNN (tài khoản 7111 của Kho bạc Nhà nước TP Hà Nội) cơ quan quản lý thu Cục thuế TP Hà Nội trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định xử phạt.

Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Kho bạc Nhà nước Thành phố Hà Nội để thu tiền phạt.

3. Gửi cho Phòng Thanh tra Kiểm tra số 8; Phòng Kế khai và Kế toán thuế; Phòng Quản lý nợ và Cưỡng chế nợ thuế để tổ chức thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: Hồ sơ, VT, TTKT2. (7,3)



**Nguyễn Tiến Minh**

